TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Linh.
Bà Võ Thị Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cành Nha –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Châu Thị Mỹ L; Sinh năm: 1996. Địa chỉ: ấp G, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Lâm Th; Sinh năm: 1995. Địa chỉ: ấp Ch, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Châu Thị Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Châu Thị Mỹ L và ông Lâm Th kết hôn với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận số 02, ngày 12/01/2021. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 08/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ đó cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà L và ông Th sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay Bà L xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Th không còn, nên Bà L yêu cầu ly hôn với ông Th; Về con chung: Trong quá trình chung sống, Bà L và ông Th không có con chung, nên Bà L không có yêu cầu gì; Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống Bà L và ông Th không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Bà L không có yêu cầu gì.

Bị đơn là ông Lâm Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, ông Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Lâm Th là bị đơn trong vụ án, ông Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

[1.2] Đối với nguyên đơn bà Châu Thị Mỹ L đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Châu Thị Mỹ L và ông Lâm Th là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 08/2022, hai bên đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay ông bà không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của ông bà nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Th là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của Bà L. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho Bà L được ly hôn với ông Th.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống Bà L và ông Th không có con chung, nên Bà L không có yêu cầu gì về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị Mỹ L phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Ông Lâm Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Châu Thị Mỹ L được ly hôn với ông Lâm Th.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình, nhưng Bà L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006706 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Bà L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Lâm Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Châu Thị Mỹ L và ông Lâm Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên